

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-600B INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-600B BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

_____ County
Quận/Hạt _____

File No.
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý

District Superior Court Division

Phân Bộ Tòa Án Khu Vực Thượng Thẩm

STATE VERSUS
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

WORKSHEET PRIOR RECORD LEVEL
FOR FELONY SENTENCING AND PRIOR
CONVICTION LEVEL FOR
MISDEMEANOR SENTENCING
(STRUCTURED SENTENCING)

(For Offenses Committed On or After Dec. 1, 2009)

BẢNG TÍNH MỨC HỒ SƠ TIỀN
ÁN KHI TUYÊN ÁN TỘI ĐẠI HÌNH VÀ
MỨC TÁI PHẠM KHI TUYÊN
ÁN TỘI TIỂU HÌNH
(TUYÊN ÁN THEO KHUNG PHẠT)

(Dùng cho các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng
Mười Hai năm 2009)

Name And Address Of Defendant
Tên và Địa Chỉ Bị Đơn

Social Security No.
Số an sinh xã hội

SID No
Số SID

Race
Chủng tộc

Sex
Giới tính

Date Of Birth (mm/dd/yyyy)
Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

G.S. 20-17.3, 20-179.3, 20-138.3(d), 20-138.7(h)

G.S. 20-17.3, 20-179.3, 20-138.3(d), 20-138.7(h)

I. SCORING PRIOR RECORD/FELONY SENTENCING
I. TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ TIỀN ÁN/TUYÊN ÁN ĐẠI HÌNH

NUMBER SỐ HIỆU	TYPE LOẠI TỘI	FACTORS HỆ SỐ	POINTS ĐIỂM
	Prior Felony Class A Conviction Tiền Án Đại Hình Bậc A	X10	
	Prior Felony Class B1 Conviction Tiền Án Đại Hình Bậc B1	X 9	
	Prior Felony Class B2 or C or D Conviction Tiền Án Đại Hình Bậc B2, C hoặc D	X 6	
	Prior Felony Class E or F or G Conviction Tiền Án Đại Hình Bậc E, F hoặc G	X 4	
	Prior Felony Class H or I Conviction Tiền Án Đại Hình Bậc H hoặc I	X 2	
	Prior Class A1 or 1 Misdemeanor Conviction (see note on reverse) Tiền Án Tiểu Hình Bậc A1 hoặc 1 (xem ghi chú ở mặt sau)	X 1	
SUBTOTAL CỘNG LẠI			

Defendant's Current Charge(s):
(Các tội trạng hiện tại của bị cáo:

If all the elements of the present offense are included in any prior offense whether or not the prior offenses were used in determining prior record level.
Nếu vi phạm hiện tại có cùng tất cả các yếu tố giống như bất kỳ vi phạm nào trước đây, cho dù (các) vi phạm cũ đó có được dùng để tính điểm hồ sơ tiền án này hay không.

+ 1

If the offense was committed while the offender was:

Nếu bị cáo thực hiện vi phạm trong khi:

- on supervised or unsupervised probation, parole, or post-release supervision;
đang chịu lệnh quản chế có hay không có giám sát, được tha tù sớm, hoặc trong thời gian chịu sự giám sát sau khi được tha tù;
- serving a sentence of imprisonment; or
đang thụ hành bản án tù; hoặc
- on escape from a correctional institution.
đang chạy trốn một cơ sở cải huấn.

+ 1

County
Quận/Hạt

File No.
Số Hồ Sơ

State (if other than NC)
Tiểu Bang (nếu khác với NC)

TOTAL
TỔNG ĐIỂM

(Over)
(Xem mặt sau)

**II. CLASSIFYING PRIOR RECORD/CONVICTION LEVEL
II. PHÂN LOẠI HỒ SƠ TIỀN ÁN/MỨC TÁI PHẠM**

**MISDEMEANOR
TỘI TIỂU HÌNH**

**FELONY
TỘI ĐẠI HÌNH**

NOTE: If sentencing for a misdemeanor, total the number of prior conviction(s) listed on the reverse and select the corresponding prior conviction level.
LƯU Ý: Khi tuyên án tội tiểu hình, tính tổng số (các) tiền án được liệt kê ở mặt sau và chọn mức tái phạm tương ứng.

NOTE: If sentencing for a felony, locate the prior record level which corresponds to the total points determined in Section I above.
LƯU Ý: Khi tuyên án tội đại hình, chọn mức hồ sơ tiền án tương ứng với tổng điểm ghi trong Mục I trên.

No. Of Prior Convictions Số tiền án	Level Mức
0	I
1 - 4	II
5+	III

**PRIOR
CONVICTION
LEVEL
MỨC TÁI
PHẠM** →

Points Điểm	Level Mức
0 - 1	I
2 - 5	II
6 - 9	III
10 - 13	IV
14 - 17	V
18+	VI

**PRIOR
RECORD
LEVEL
MỨC PHÂN
LOẠI HỒ SƠ
TIỀN ÁN** →

The Court has determined the number of prior convictions to be _____ and the level to be as shown above.
Tòa Án xác nhận rằng số tiền án là _____ nên mức tái phạm ghi trên đây là đúng.

In making this determination the Court has relied upon the State's evidence of the defendant's prior convictions from a computer printout of DCI-CCH.
Để xác nhận điều này, Tòa Án đã căn cứ vào bằng chứng của Tiểu Bang về các tiền án của bị cáo trong hồ sơ in ra từ Hệ Thống Điện Tử Theo Dõi Tiền Án Tiên Sự (CCH) của Phân Bộ Thông Tin Hình Sự (DCI).

The Court finds the prior convictions, prior record points and the prior record level of the defendant to be as shown herein.
Tòa Án xác nhận rằng các tiền án, điểm tiền án và mức hồ sơ tiền án ghi trên đây của bị cáo là đúng.

In making this determination, the Court has relied upon the State's evidence of the defendant's prior convictions from a computer printout of DCI-CCH.
Để xác nhận điều này, Tòa Án đã căn cứ vào bằng chứng của Tiểu Bang về các tiền án của bị cáo trong hồ sơ in ra từ Hệ Thống Điện Tử Theo Dõi Tiền Án Tiên Sự (CCH) của Phân Bộ Thông Tin Hình Sự (DCI).

In finding a prior record level point under G.S. 15A-1340.14(b)(7), the Court has relied on the jury's determination of this issue beyond a reasonable doubt or the defendant's admission to this issue.
Khi xác nhận mức hồ sơ tiền án chiếu theo điều G.S. 15A-1340.14(b)(7), Tòa Án đã căn cứ vào phán quyết mà không có nghi vấn hợp lý của bồi thẩm đoàn về các tội này, hoặc vào việc chính bị cáo nhận các tội này.

The Court finds that all of the elements of the present offense are included in a prior offense.
Tòa Án xác nhận rằng tất cả các yếu tố của vi phạm hiện tại giống với của một vi phạm trước đây.

For each out-of-state conviction listed in Section V on the reverse, the Court finds by a preponderance of the evidence that the offense is substantially similar to a North Carolina offense and that the North Carolina classification assigned to this offense in Section V is correct.
Đối với từng tội kết án bên ngoài tiểu bang được liệt kê trong Mục V ở mặt sau, Tòa Án xác nhận rằng các bằng chứng hỗ trợ cho việc tin rằng vi phạm này về thực chất là giống với một vi phạm trong luật của North Carolina, và rằng vi phạm này trong Mục V là được phân loại đúng theo luật của North Carolina.

The Court finds that the State and the defendant have stipulated in open court to the prior convictions, points and record level.
Tòa Án xác nhận rằng Tiểu Bang và bị cáo đã thỏa thuận về các tiền án, điểm và mức hồ sơ tiền án trước đây tại một phiên tòa công khai.

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name of Presiding Judge (Type Or Print)
Tên của Thẩm Phán Chủ Tọa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge
Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tọa

(Over)
(Xem mặt sau)

**III. STIPULATION
III. CHẤP NHẬN**

The prosecutor and defense counsel, or the defendant, if not represented by counsel, stipulate to the information set out in Sections I and V of this form, and agree with the defendant's prior record level or prior conviction level as set out in Section II based on the information herein.

Công tố viên và luật sư biện hộ, hoặc bị cáo (nếu không có luật sư), căn cứ vào thông tin trong mẫu này để thỏa thuận chấp nhận các thông tin ghi trong Mục I và V của mẫu này, cũng như đồng ý về mức hồ sơ tiền án hoặc mức tái phạm được ghi trong Mục II.

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Prosecutor
Chữ ký của Công Tố Viên

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Defense Counsel Or Defendant
Chữ ký của Luật Sư Biện Hộ hoặc Bị Cáo

**IV. DNA CERTIFICATION
(For Offenses Committed On Or After Feb. 1, 2011)
IV. XÁC NHẬN VỀ MẪU DNA
(Dùng cho các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Hai năm 2011)**

A review of the case record (the form required by G.S. 15A-266.3A(c)) and the records of the State Bureau of Investigation (the DCI-CCH rap sheet) indicates that (check one):

Việc xem xét hồ sơ vụ án (hồ sơ bắt buộc theo G.S. 15A-266.3A(c)) cũng như các hồ sơ của Cục Điều Tra của Tiểu Bang (hồ sơ tiền án tiền sự của DCI-CCH) cho thấy rằng (đánh dấu một ô):

1. The defendant is NOT required to provide a DNA sample for this conviction because (i) the offense is not covered by G.S. 15A-266.4 or (ii) a sample of the defendant's DNA has previously been obtained and the defendant's DNA record is currently stored in the State DNA database.
1. Bị cáo KHÔNG buộc phải cung cấp mẫu DNA trong lần bị kết án này bởi vì (i) vi phạm này không nằm trong phạm vi của điều G.S. 15A-266.4 hoặc (ii) mẫu DNA của bị cáo đã được lấy trước đây và hồ sơ DNA của bị cáo đang được lưu tại cơ sở dữ liệu DNA của Tiểu Bang.
2. The defendant IS required to provide a DNA sample for this conviction because (i) the offense is covered by G.S. 15A-266.4 and (ii) a sample of the defendant's DNA has not previously been obtained and the defendant's DNA record has not previously been stored in the State DNA Database, or if previously obtained and stored, the defendant's DNA sample and record have been expunged.
2. Bị cáo BUỘC phải cung cấp mẫu DNA trong lần bị kết án này bởi vì (i) vi phạm này nằm trong phạm vi của điều G.S. 15A-266.4 hoặc (ii) mẫu DNA của bị cáo chưa từng được lấy và hồ sơ DNA của bị cáo chưa được lưu tại cơ sở dữ liệu DNA của Tiểu Bang, hoặc nếu đã lấy và lưu dữ liệu này thì cả mẫu và hồ sơ dữ liệu DNA của bị cáo đều đã bị xóa bỏ.

Date
Ngày

Name Of Prosecutor (Type Or Print)
Tên của Công Tố Viên (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Prosecutor
Chữ ký của Công Tố Viên

**V. PRIOR CONVICTION
V. CÁC TIỀN ÁN**

**NOTE: Federal law precludes making computer printout of DCI-CCH (rap sheet) part of permanent public court record.
LƯU Ý: Luật pháp liên bang cấm việc lưu hồ sơ in ra từ hệ thống CDI-CCH (hồ sơ tiền án tiền sự) vào hồ sơ công khai và vĩnh viễn của Tòa Án.**

NOTE: The only Class 1 misdemeanor offenses under Chapter 20 that are assigned points for determining prior record level for felony sentencing are misdemeanor death by vehicle [G.S. 20-141.4(a2)] and, for sentencing for felony offenses committed on or after December 1, 1997, impaired driving [G.S. 20-138.1] and commercial impaired driving [G.S. 20-138.2]. First Degree Rape and First Degree Sexual Offense convictions prior to October 1, 1994, are Class B1 convictions.

LƯU Ý: Theo Chương 20, các vi phạm tiểu hình Bậc 1 duy nhất được tính điểm khi phân loại mức hồ sơ tiền án cho việc tuyên án tội đại hình là: gây tử vong bằng phương tiện giao thông [G.S. 20-141.4(a2)] và, đối với các tội đại hình vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 1997, lái xe trong tình trạng không tỉnh táo [G.S. 20-138.1] và lái xe thương mại trong tình trạng không tỉnh táo [G.S. 20-138.2]. Những lần bị kết án tội Hiếp Dâm Bậc 1 và Phạm Tội Tình Dục Bậc 1 trước ngày 1 Tháng Mười, 1994 được coi là tiền án Bậc B1.

Source Code Mã số nguồn	Offenses Vi phạm	File No. Số hồ sơ	Date of Conviction (mm/dd/yyyy) Ngày kết án (tháng/ngày/năm)	County (Name of State if not NC) Quận/hạt (Cho biết tên tiểu bang nếu không phải NC)	Class Bậc tội

- See AOC-CR-600 Continuation for additional prior convictions.
Xem AOC-CR-600 Bản khai bổ sung để biết thêm các tiền án.

Date Prepared (mm/dd/yyyy): _____

Ngày điền mẫu (tháng/ngày/năm): _____

Prepared By: _____

Người điền mẫu: _____

Source Code: 1 - DCI

Mã số nguồn: 1 - Phân Bộ Thông Tin Hình Sự (DCI)

2 - NCIC

2 - Trung Tâm Thông Tin Hình Sự Quốc Gia (NCIC)

3 - AOC/Local

3 - Văn Phòng Hành Chính của Hệ Thống Tòa Án (AOC)/Địa phương

4 - AOC/Statewide

4 - Văn Phòng Hành Chính của Hệ Thống Tòa Án (AOC)/Toàn tiểu bang

5 - ID Bureau

5 - Cục Xác Nhận Nhân Thân

6 - Other

6 - Nguồn khác